

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HOÀ
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 171/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 31/5/2024

V/v: “Ly hôn, tranh chấp
nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HOÀ, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tám

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Chánh
Ông Lê Văn Lành

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hoà.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hoà tham gia phiên tòa:
Ông Mai Văn Thông - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hoà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 774/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 171/2024/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị Ngọc T, sinh năm 1997

- Bị đơn: Ông Đào Văn Quý N, sinh năm 1991

Cùng địa chỉ: khu phố T, phường P, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Cùng nơi làm việc: Công ty Cổ phần đầu tư và kinh doanh G, đường P, khu phố H, phường P, thành phố B, Đồng Nai.

(Bà T, ông N có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 06 tháng 3 năm 2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lê Thị Ngọc T trình bày: Bà và ông N đăng ký kết hôn vào ngày 28/12/2021 tại UBND phường P, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Trước khi kết hôn, bà T đã có thai với ông N, mặc dù biết ông N chơi bời cá độ đá banh, nợ nần nhiều nhưng bà vẫn tự nguyện chung sống với ông vì tin vào lời hứa hẹn. Tuy nhiên, quá trình vợ chồng chung sống, ông N vẫn không chịu thay đổi nên vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn. Ông N thường xuyên chửi bới, đánh đập bà và con của bà. Có lần ông N còn đánh bà gãy mũi khiến bà phải

đi bệnh viện, việc này bà có báo với chính quyền địa phương. Nay xét thấy mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt, vì vậy, bà xin được ly hôn với ông N.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Đào Khôi N, sinh ngày 16/08/2021. Sau khi ly hôn bà T yêu cầu trực tiếp được chăm sóc và nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai và Biên bản làm việc ngày 08/5/2024, bị đơn ông Đào Văn Quý N trình bày: Ông và bà T kết hôn vào ngày 28/12/2021. Quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn do lỗi của cả hai bên, bà T thì ngang ngược, áp đặt, không chịu tiếp thu ý kiến của người khác nên hai bên không tìm được tiếng nói chung. Ông không thường xuyên đánh chửi bà T như bà T trình bày. Tuy nhiên, có lần vợ chồng mâu thuẫn dẫn đến va chạm, ông đã đánh gãy mũi của bà T do bà T có những lời nói xúc phạm ông nên ông không thể kiềm chế được cơn giận. Hiện nay vợ chồng đã ly thân, con chung ở với bà T. Từ khi phát sinh mâu thuẫn đến nay ông bà chưa bao giờ nói chuyện được với nhau để hoà giải vì mỗi lần nói chuyện là lại cãi nhau. Tuy nhiên ông vẫn không đồng ý ly hôn vì ông muốn con của ông bà có cả cha và mẹ, được nuôi dạy thật tốt.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung như bà T trình bày. Trường hợp bà T kiên quyết ly hôn thì ông N yêu cầu Tòa án giao con chung cho ông nuôi, không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con. Lý do: bản thân ông có thu nhập khoảng 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng)/tháng; công việc của ông hàng ngày tại Công ty cổ phần G từ 10 giờ đến 16 hoặc 17 giờ nên ông có nhiều thời gian chăm sóc con, trong khi đó bà T thu nhập chỉ 10.000.000đ (mười triệu đồng)/tháng, lại có con riêng nên không thể nuôi con chung của ông bà được tốt.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn bà Lê Thị Ngọc T và ông Đào Văn Quý N vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có lời khai, bà T, ông N có đơn đề nghị vắng mặt nên nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Ngọc T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Lê Thị Ngọc T xin ly hôn ông Đào Văn Quý N, ông N là bị đơn và hiện đang cư trú tại thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

Nguyên đơn bà Lê Thị Ngọc T và bị đơn ông Đào Văn Quý N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập đương sự. Bà T, ông N có đơn xin vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về việc giải quyết vụ án:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông N tự nguyện chung sống với nhau, được Ủy ban nhân dân phường P, thành phố B, tỉnh Đồng Nai cấp chứng nhận đăng ký kết hôn số 184/2021 vào ngày 28/12/2021. Căn cứ Điều 8,9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xác định là hôn nhân hợp pháp.

2.2. Về yêu cầu xin ly hôn của bà T: Bà T khai, trước khi kết hôn, bà T đã có thai với ông N, mặc dù biết ông N chơi bời cá độ đá banh, nợ nần nhiều nhưng bà vẫn tự nguyện chung sống với ông vì tin vào lời hứa hẹn. Tuy nhiên, quá trình vợ chồng chung sống, ông N vẫn không chịu thay đổi nên vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn. Ông N thường xuyên chửi bới, đánh đập bà và con của bà. Có lần ông N còn đánh bà gãy mũi khiến bà phải đi bệnh viện và báo với chính quyền địa phương. Nay xét thấy mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt, vì vậy, bà xin được ly hôn với ông N.

Bị đơn ông N khai, quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn do lỗi của cả hai bên, bà T thì ngang ngược, không chịu tiếp thu ý kiến của người khác nên hai bên không tìm được tiếng nói chung. Có lần do bị bà T nói xúc phạm ông nên ông đã đánh gãy mũi của bà. Hiện nay vợ chồng đã ly thân, con chung ở với bà T. Từ khi phát sinh mâu thuẫn đến nay ông bà chưa bao giờ nói chuyện được với nhau để hoà giải vì mỗi lần nói chuyện là lại cãi nhau. Tuy nhiên ông vẫn không đồng ý ly hôn vì ông muốn con của ông bà có cả cha và mẹ, được nuôi dạy thật tốt.

Tại Biên bản xác minh ngày 12/4/2024 tại Ủy ban nhân dân phường P, thành phố B, tỉnh Đồng Nai thể hiện “Bà T và ông N là vợ chồng, trong quá trình sinh sống dạo gần có xảy ra mâu thuẫn, bà T có nhờ đến đại phương giải quyết, việc giải quyết đã xong, hiện tại bây giờ bà T và ông N có xảy ra mâu thuẫn nữa hay không thì địa phương chưa nắm bắt được và không thấy có đơn đề nghị địa phương giải quyết”. Tại kết quả trả lời xác minh của công an phường P thể hiện “Tại thời điểm điếm điếm xác minh, ông N đang thực tế sinh sống tại khu phố T, Phường P, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Việc giữa ông N và bà T mâu thuẫn đánh nhau qua kiểm tra tin báo tại Công an phường không ghi nhận hồ sơ vụ việc liên quan”.

Ông N thừa nhận mâu thuẫn giữa ông và bà T là có thật, tuy nhiên ông không đồng ý ly hôn vì ông muốn con ông có đầy đủ cha mẹ nhưng tại các các buổi làm việc và phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ, phiên hòa giải, xét xử ông N không đến Tòa án để làm việc điều đó thể hiện ông N đã có ý bỏ mặc việc Tòa án giải quyết quan hệ hôn nhân giữa hai người. Hội đồng xét xử xét thấy, tình trạng mâu thuẫn của vợ chồng bà T và ông N là có thật và ông N cũng thừa nhận giữa hai vợ chồng có mâu thuẫn. Vợ chồng đã ly thân và không còn quan tâm, tôn trọng nhau, mục đích hôn nhân không đạt, không có khả năng hàn gắn đoàn tụ, nếu tiếp tục kéo dài tình trạng hôn nhân cũng không đem đến hạnh phúc cho nhau. Căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận

đơn xin ly hôn của bà T, cho bà T được ly hôn với ông N để cả hai sớm ổn định cuộc sống.

2.3. Về con chung: Bà T ông N có 01 con chung tên Đào Khôi N, sinh ngày 16/08/2021. Ly hôn bà T yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung và không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con. Ông N trình bày trong trường hợp bà T kiên quyết ly hôn, ông yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung và không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, hiện nay bà T và ông N đều có công việc ổn định, ông N trình bày thu nhập trung bình 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng)/tháng tuy nhiên không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh mức thu nhập hàng tháng của mình như ông N trình bày. Đồng thời hiện nay cháu N dưới 36 tháng tuổi nên căn cứ khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, giao cháu N cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp với quy định pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do bà T không có yêu cầu nên tạm thời ông N không cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, bà T, ông N có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Ông N (không trực tiếp nuôi con) có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Vì quyền lợi của trẻ, khi cần thiết các bên được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

2.4. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

2.5. Về nợ chung: Không có, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

2.6. Về án phí: Bà Lê Thị Ngọc T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 238; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ **Điều 8, 9, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;**

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Ngọc T với bị đơn ông Đào Văn Quý N về việc “Ly hôn”;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Ngọc T, sinh năm 1997 được ly hôn ông Đào Văn Quý N, sinh năm 1991.

2. Về con chung: Giao con chung Đào Khôi N, sinh ngày 16/08/2021 cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm thời ông N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, bà T, ông N có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Ông N (không trực tiếp nuôi con) có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Vì quyền lợi của trẻ, khi cần thiết các bên được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. Về nợ chung: Không có, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

5. Về án phí: Bà Lê Thị Ngọc T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Khấu trừ số tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp theo biên lai thu số 0002877 ngày 18/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa, bà T đã nộp xong án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND TP. Biên Hòa;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục THADS TP. Biên Hòa ;
- Nơi đăng ký kết hôn ;
- Lưu : HS, VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA**

Lê Thị Tám